

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 29/DKAL-MT ngày 24/4/2023 của Công ty Cổ phần Dầu Khí An Lộc về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Khu dân cư An Lộc, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr-STNMT ngày 26 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dầu Khí An Lộc, địa chỉ tại số 99 Lê Văn Huu, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu dân cư An Lộc, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Khu dân cư An Lộc, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2801605970, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/8/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 2801605970

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu dân cư mới.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 15.019,2 m²;

- Quy mô dự án: Đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu xen cư theo mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt với diện tích 15.019,2m², gồm các hạng mục: San nền, hệ thống giao thông, bó vỉa, vỉa hè, cây xanh, thoát nước, cấp nước, PCCC, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, ...; cầu qua sông nhà Lê; xây thô hoàn thiện mặt trước 64 lô nhà liên kế và 03 nhà ở kết hợp thương mại.

- Quy mô dân số: 280 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Dầu Khí An Lộc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Dầu Khí An Lộc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty CP Dầu Khí An Lộc (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1 Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà liên kế (LK01, LK02, LK03) có lưu lượng lớn nhất $17,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, sau đó được thu gom bằng đường ống PVC D110, cống BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải hợp khối, công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2 Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở kết hợp thương mại (NO-TM01, NO-TM02, NO-TM03) có lưu lượng lớn nhất $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, sau đó được thu gom bằng đường ống PVC D110, cống BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải hợp khối, công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai (hệ thống thoát nước chung khu vực dọc Quốc lộ 47), phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, sau đó chảy ra sông Thống Nhất, đoạn chảy qua cầu Lai Thành, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (theo Văn bản chấp thuận đầu nôi thoát nước thải của dự án số 2244/UBND-QLĐT ngày 24/4/2023 của UBND thành phố Thanh Hóa).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý chảy ra hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai (hệ thống thoát nước chung khu vực dọc Quốc lộ 47), phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: $X= 2190144.53$; $Y= 582414.97$ (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $19,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải hợp khối, công suất 20 m³/ngày.đêm được bơm cưỡng bức ra hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai (hệ thống thoát nước chung khu vực dọc Quốc lộ 47), phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, sau đó chảy ra sông Thống Nhất.

- Dòng thải từ công thoát nước chung xả ra sông Thống Nhất theo phương thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (sử dụng phao bơm tự động)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh số 01 và số 02 (bao gồm: (i) nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; (ii) nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng hố ga lắng cặn, được thu gom bằng đường ống PVC D110, cống BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải hợp khối, công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Hệ thống thu gom → Bể thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải hợp khối (Nước thải lần lượt đi vào các ngăn xử lý gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn khử Nitơ → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng lọc → Ngăn khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai (hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 47), phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, sau đó chảy ra sông Thống Nhất.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine dạng viên nén TCCA (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành. Yêu cầu các hộ dân không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,...vào hệ thống thu gom nước thải.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải hợp khối, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải hợp khối, hệ thống thu gom bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 2/2025 - 4/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải hợp khối.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý hợp khối.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải hợp khối.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nguồn số 01: tại phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Tọa độ nguồn số 01: X=2190043; Y=582397 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	16 01 05	27
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	108
3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	54
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	270
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	54
6	Các loại chất thải nguy hại khác từ sinh hoạt	-	27
	Tổng		540

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn cặn từ công trình xử lý nước thải	80.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	133,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy 1000 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Bên trong khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (gần vị trí hệ thống XLNT tập trung của dự án).

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che, cos nền cao hơn cos nền sân đường nội bộ 0,2m, nền bê tông và lán vỉa xi măng chống thấm, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tần suất 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy 1.000 lít (hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình sẽ được công nhân vệ sinh thu gom 1 lần/ngày về điểm tập kết).

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bên trong khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (gần vị trí hệ thống XLNT tập trung của dự án).

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che, cos nền cao hơn cos nền sân đường nội bộ 0,2m, nền bê tông và lán vỉa xi măng chống thấm.
- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ và phun khử mùi bằng chế phẩm EM với tần suất 02 lần/tuần.

2.4. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể

lông; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

a. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 3,5 m³/ngày: được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 4 m³ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Nước thải nhà ăn với lưu lượng 0,5 m³/ngày được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích 150 lít để tách mỡ và lắng cặn, sau đó dẫn về hố lắng cùng nước thải vệ sinh tay chân có thể tích 4 m³ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng. Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải sinh hoạt. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là 1,5 m³/ngày được thu gom bằng 06 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (Cao 250 cm, rộng 130 cm, sâu 100 cm, bể chứa nước thải 0,5m³). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày/lần) đem đi xử lý.

b. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom về 01 bể có thể tích $5,6 \text{ m}^3$ được xây dựng bằng cách đào hố (có lót bạt chống thấm thành và đáy), bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể được bố trí 1 phao quay thu vớt dầu. Nước thải được dẫn vào bể để lắng chất rắn lơ lửng, thu vớt dầu sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc sử dụng nước cho quá trình phun nước chống bụi trong. Vớt dầu thu gom được sẽ lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý cùng chất thải nguy hại.

Đối với nước thải từ khoan nhồi có lưu lượng là $22 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom về 01 hố có thể tích 30 m^3 được xây dựng bằng cách đào hố (có lót bạt chống thấm thành và đáy). Nước thải được dẫn vào bể để lắng bùn đất và thu hồi bentonite. Bùn cặn từ bể lắng được nạo vét vận chuyển bằng xe tải thùng kín có lót bạt đáy và thành xe, đổ thải tại bãi thải của dự án.

c. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

1.1.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải hợp khối cho dự án, công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, công nghệ xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Hệ thống thu gom nước thải → Bể thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải hợp khối (Nước thải lần lượt đi vào các ngăn xử lý gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn khử Nitơ → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng lọc → Ngăn khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi được bơm cưỡng bức ra hệ thống thoát nước trên vỉa hè phía Nam đường Lê Lai (theo Văn bản chấp thuận đầu nối thoát nước thải của dự án số 2244/UBND-QLĐT ngày 24/4/2023 của UBND thành phố Thanh Hóa), có tọa độ như sau: X = 2190144.53; Y = 582514.97.

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử

lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường (giám sát công tác vận hành đối với đơn vị vận hành công trình lý nước thải).

- Định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

1.2. Về thu gom và xử lý khí thải

1.2.1. Trong giai đoạn thi công

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bóc xúc vận chuyển đổ thải chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường Quốc lộ 47 với chiều dài 500m tính từ công khu vực dự án về 2 phía. Sử dụng xe ô tô tưới nước có dung tích 5,0m³ làm ẩm trên tuyến đường, tần suất phun nước là 4 lần/ngày.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 3 m, chiều dài 575m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình nhà ở cao tầng trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

1.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch, tăng cường bố trí cây xanh trên vỉa hè dọc các tuyến đường với tổng diện tích diện tích cây xanh tối thiểu là 6m²/người, tương đương diện tích cây xanh của dự án là 1.680m².

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hạ tầng kỹ thuật; phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước về vệ sinh môi trường khu dân cư. Vận động người dân thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường xanh- sạch - đẹp. Kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bố trí nhân công thường xuyên quét dọn, vệ sinh, tưới ẩm chống bụi sân đường nội bộ khu vực dự án.

- Hàng ngày vệ sinh khu vực lưu chứa rác tạm ngay khi xe vận chuyển rác đến thu gom. Định kỳ hàng tuần sử dụng chế phẩm EM phun khử mùi khu vực lưu chứa tạm rác thải và khu xử lý nước thải của dự án.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng các quy định để đảm bảo môi trường khu vực dự án.

1.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.1. Trong giai đoạn thi công

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 50 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Các loại chất thải từ phát quang thảm thực vật, được thu gom và hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa vận chuyển và xử lý tại bãi rác thành phố Thanh Hóa;

+ Các loại chất thải từ bể tự hoại, được đơn vị thi công hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa hút bằng xe chuyên dụng và đem đi xử lý theo quy định, trước khi phá dỡ các công trình;

+ Đối với chất thải từ phá dỡ công trình, đất bóc hữu cơ, đất không thích hợp, bùn đất từ khoan nhồi...được thu gom, vận chuyển đổ thải tại khu đổ thải chất thải xây dựng, giáp Nhà máy gạch Đông Vinh cạnh đường Vành đai phía Tây (được thống nhất tại biên bản thỏa thuận vị trí đổ thải với chính quyền địa phương);

+ Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi sẽ thực hiện thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án;

+ Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

1.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải rắn với diện tích 10m² tại khu vực xử lý nước thải của dự án để tập kết chất thải tạm thời.

- Bố trí thiết bị lưu giữ chất thải tro có thể tích 1000 lít tại khu vực lưu chứa tạm thời. Thiết bị đảm bảo không bị thủng, rách và có in dòng chữ “Chất thải tro” để phân loại; Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

1.4.1. Trong giai đoạn thi công

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 thùng chứa chất thải 500 lít trong khu vực lưu chứa CTNH có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Trong kho lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

1.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

1.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Hệ thống thu gom nước mưa của Dự án riêng biệt với hệ thống thoát nước các khu vực lân cận; đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa trong khu đất Dự án chảy ra sông Nhà Lê không làm ảnh hưởng khả năng thoát nước mưa của khu vực lân cận.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước mưa 6 tháng/lần để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Khi có sự cố xảy ra, kịp thời làm công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu đối với người bị ảnh hưởng trước khi chuyển đến bệnh viện.

1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

1.6.1. Trong giai đoạn thi công:

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

1.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối:

+ Vận hành Bể xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

- Đối với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ... sẽ được tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất. Các hộ gia đình thực hiện đầu nối nước thải theo đúng hướng dẫn trong quá trình xây dựng

+ Tổ chức các dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, nước thải, chăm sóc cây xanh theo quy hoạch.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt. Điện Lực Thanh Hóa quản lý hạ tầng kỹ thuật điện trong suốt thời gian vận hành dự án. Các hộ gia đình đăng ký đầu nối điện với điện lực Thanh Hóa. Lắp đặt đường dây, thiết bị điện đảm bảo kỹ thuật an toàn.

1.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

1.7.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Dự án có 01 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải hợp khối.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅ (20°C); COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Tần suất, số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1).

1.7.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

2.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K =1); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2.4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

2.5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.